



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00719/2025/PKQ (25.304.12W2503.287-288)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại Hậu Sanh,
xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 26/03/2025
Thời gian thử nghiệm : 26/03/2025 - 10/04/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				12W2503.287	12W2503.288
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,3
2.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	469	14
3.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	807	28
4.	Asen	mg/L	US EPA 6020B	0,018	<0,001
5.	Thủy ngân	mg/L	US EPA 6020B	0,0004	0,0002
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	81,0	12,0
7.	Chì	mg/L	US EPA 6020B	<0,001	<0,001
8.	Cadimi	mg/L	US EPA 6020B	0,0004	0,0008
9.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003	<0,003
10.	Đồng	mg/L	US EPA 6020B	0,024	0,01
11.	Sắt	mg/L	US EPA 6020B	6,91	0,06
12.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN-.C&E:2023	0,029	<0,003
13.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	0,176	0,022
14.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,4	0,6
15.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	15,9	0,8
16.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,0	0,02
17.	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	177	16
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	13x10 ³	1,3x10 ³

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



Ghi chú:

- 12W2503.287: Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, E 109°9'40.8",
N 13°58'39.8"

- 12W2503.288: Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, E 109°9'40.2",
N 13°58'39.4"

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam